

## QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (1986-2000)

Vũ Quang Hiến

*Khoa Lịch sử*

*Trường Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội*

1.1. Cơ sở của chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là đường lối chính trị của Đảng, truyền thống ngoại giao của dân tộc và tình hình quốc tế.

Một trong những vấn đề có tính chất quan điểm là chính trị đối ngoại phải phục vụ chính trị đối nội. Chính sách đối ngoại là sự kéo dài của chính sách đối nội, phản ánh lập trường, lợi ích của giai cấp cầm quyền. Chính sách đối ngoại của Đảng ta xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ lịch sử.

Thông thường, khi cách mạng chuyển giai đoạn thì có những khó khăn, thử thách vô cùng to lớn xuất hiện trong quan hệ đối ngoại, đòi hỏi sự nỗ lực vươn lên để đi đến thắng lợi.

Trước tình hình khủng hoảng về kinh tế - xã hội, từ năm 1986, Đảng chủ trương tiến hành sự nghiệp đổi mới nhằm thực hiện "Nhiệm vụ bao trùm mục tiêu tổng quát của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo"[1; tr. 35]. Từ năm 1996 Đảng chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá nhằm đưa đất nước ta đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Ngoại giao Việt Nam phải phục vụ cho sự nghiệp đổi mới, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Trong lịch sử dân tộc, kể cả quá trình dựng nước và giữ nước, cha ông ta vẫn thường sử dụng những biện pháp ngoại giao, hoặc để giữ gìn, củng cố nền độc lập dân tộc, hoặc để kết hợp với đấu tranh quân sự, đẩy kẻ thù ngoại xâm ra khỏi bờ cõi, tạo điều kiện hoà bình, ổn định để xây dựng đất nước, tăng cường khả năng kinh tế và quốc phòng.

Nhờ kế thừa truyền thống dân tộc, Đảng ta đã đề ra và giải quyết đúng đắn mối quan hệ quốc tế của cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam tiến lên giành thắng lợi trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945), kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975). Truyền thống dân tộc cùng với kinh nghiệm của Đảng về đấu tranh ngoại giao và vận động quốc tế trước đây cần được kế thừa và phát triển trên con đường đổi mới của đất nước.

Tình hình quốc tế thường xuyên biến đổi, nhiều lúc quanh co, phức tạp. Một chính sách đối ngoại đúng đắn phải được xác định trên cơ sở phân tích đúng tình hình thế giới, vừa tranh thủ những mặt thuận lợi, vừa khắc phục những mặt hạn chế; vừa hợp tác vừa đấu tranh, nhằm tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Sau thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, trở ngại lớn xuất hiện từ các nước láng giềng, vốn là đồng minh của Việt Nam, tạo ra một vòng vây mới, gây không ít khó khăn cho công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Trong tình hình trật tự thế giới hai cực Xô - Mỹ (trật tự I-an-ta) tan rã, trật tự thế giới đa cực đang hình thành, cách mạng khoa học-kỹ thuật phát triển, quan hệ giao lưu, hợp tác kinh tế và văn hoá mở rộng mang tính toàn cầu; các thế lực đế quốc phản động dùng nhiều thủ đoạn mới để chống phá cách mạng, các dân tộc trên thế giới đều phải cố gắng vươn lên, tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ để tiến kịp thời đại. Tình hình ấy cũng đòi hỏi sự đổi mới chính sách đối ngoại.

2.1. Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đổi mới, trên cơ sở phân tích yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng nước ta và tình hình quốc tế, Đại hội lần thứ VI của Đảng (12 - 1986) xác định những phương hướng mới trong chính sách đối ngoại nhằm xử lý các mối quan hệ song phương và đa phương. Nghị quyết của Đại hội nhấn mạnh việc "mở rộng quan hệ quốc tế trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình" [3; tr. 225].

"Nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước ta trên lĩnh vực đối ngoại là ra sức kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Dương, góp phần tích cực giữ vững hoà bình ở Đông Nam Á và trên thế giới; củng cố quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, củng cố quan hệ hữu nghị và hợp tác với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội" [1; tr.62].

Đại hội nhấn mạnh hoạt động đối ngoại phải phục vụ cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tiếp tục làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Campuchia và Lào, tranh thủ những điều kiện thuận lợi mới về hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật, tham gia ngày càng rộng rãi việc phân công và hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), đồng thời tranh thủ mở rộng quan hệ với các nước khác.

Trong những năm 1986 - 1990, hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta tập trung vào việc tăng cường quan hệ với Liên Xô, phát triển quan hệ với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia, từng bước giải quyết vấn đề Campuchia, tăng cường quan hệ về các mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân với Cuba và một số nước xã hội chủ nghĩa, kiên trì thúc đẩy quá trình bình thường hoá quan

hệ với Trung Quốc, tăng cường quan hệ với các Đảng Cộng sản và công nhân, các phong trào, tổ chức quốc gia và quốc tế, bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc, vì hoà bình và tiến bộ; phát triển quan hệ sự hợp tác hữu nghị với Ấn Độ, các nước độc lập dân tộc và Phong trào không liên kết. Nhà nước ta đã mạnh dạn ban hành đạo luật về việc nước ngoài đầu tư tại Việt Nam (1987), mở cánh cửa đầu tiên nhằm thu hút nguồn vốn của tư bản nước ngoài. Luật này được sự đáp ứng tích cực từ các nước Đông Nam Á và Đông Á, mặc dù lệnh cấm vận của Mỹ vẫn là một trở ngại rất lớn. Tháng 2 - 1989 Việt Nam tuyên bố sẵn sàng tham gia hiệp ước Bali. Tiếp đó là các cuộc viếng thăm của nguyên thủ quốc gia các nước ASEAN vào Việt Nam. Tháng 9 - 1989, Việt Nam chủ động rút quân đội khỏi Campuchia, tích cực đóng góp vào quá trình hoà giải và hoà hợp dân tộc ở Campuchia. Tháng 7 - 1990 Hoa kỳ tuyên bố không ủng hộ Khơme đỏ nữa. Tháng 8 - 1990 đại diện Việt Nam và Hoa Kỳ gặp nhau, khởi động sự đối thoại giữa hai nước. Tháng 9 - 1990 cuộc họp cấp cao Việt Trung được tiến hành ở Thành Đô. Tháng 10 - 1990 EC ký hiệp định về việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Những nỗ lực ấy tạo ra bầu không khí hoà dịu, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, góp phần mở rộng quan hệ nhiều mặt với các nước Đông Nam Á, cải thiện quan hệ với các nước Châu Á - Thái Bình Dương, Tây Âu và Bắc Âu.

Những thành tựu trên đây bước đầu cải thiện quan hệ quốc tế của nước ta, tạo ra một số điều kiện mới phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước; đẩy lùi một bước âm mưu bao vây cô lập của đế quốc phản động đối với nước ta, tăng thêm bầu bạn, nâng cao uy tín Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, trong công tác đối ngoại thời kỳ này còn có những mặt yếu kém. Khi tình hình thế giới và quan hệ quốc tế có những biến chuyển rất phức tạp, nhất là sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu, ta chưa có sự đánh giá đầy đủ và kịp thời để sớm có những chủ trương phù hợp; chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động, thậm chí vẫn coi cách mạng thế giới đang ở thế tiến công, chưa thấy sự tan vỡ của trật tự thế giới I-an-ta, sự thay đổi quan hệ Xô-Mỹ, và nguy cơ thoái trào của cách mạng thế giới.

2.2. Tháng 6/1991, Đại hội lần thứ VII của Đảng đánh giá những thành tựu và hạn chế của việc thực hiện chính sách đối ngoại từ Đại hội VI, xác định "Nhiệm vụ bao trùm về đối ngoại trong thời gian tới là giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội" [4; tr. 88]. Từ trong thực tiễn công tác đối ngoại những năm trước đó, Đại hội nhấn mạnh trong hoạt động đối ngoại cần nhạy bén nhận thức và dự báo được những diễn biến phức tạp và thay đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và xu hướng quốc tế hoá của nền kinh tế thế giới để có những chủ trương đối ngoại phù hợp. Trong điều kiện mới càng phải coi trọng

vận dụng bài học kinh nghiệm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại. Đại hội chủ trương "Hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình" [4; tr.88].

Đại hội lần thứ VII, Hội nghị lần thứ 3 của Ban chấp hành Trung ương và Đại hội giữa nhiệm kỳ (khoá VII) của Đảng (1/1994) đều nhấn mạnh tính chất rộng mở của chính sách đối ngoại: "*Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển*" [4; 147].

Trước những diễn biến lớn của tình hình thế giới và khu vực, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngoại giao Việt Nam đã thu được những kết quả rất quan trọng trong những năm 1991 - 1995:

- Sau cuộc họp cấp cao ở Bắc Kinh (11-1991) ta đã khôi phục và phát triển một bước quan hệ hữu nghị, hợp tác với Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

- Tăng cường và củng cố quan hệ đoàn kết đặc biệt với Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

- Tham gia ký kết và đấu tranh cho việc thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Paris về Campuchia (10-1991), thiết lập quan hệ láng giềng, hữu nghị với Vương quốc Campuchia.

- Cải thiện và mở ra giai đoạn mới trong quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước ASEAN và tổ chức ASEAN. Tháng 7-1992 Việt Nam chính thức ký Hiệp định Bali, trở thành quan sát viên của ASEAN, tiến tới chính thức gia nhập ASEAN (28-7-1995).

- Mở rộng quan hệ với các nước khác ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, tham gia các hoạt động của ARF, ASEM, xúc tiến việc chuẩn bị hội nhập vào APEC.

- Giữ gìn, phát triển quan hệ truyền thống với Cuba, Ấn Độ, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên.

- Duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác vốn có với Liên bang Nga, với các nước thuộc Liên Xô cũ và các nước Đông Âu.

- Tiếp tục ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Paléxtin, các dân tộc Ả Rập và nhân dân Nam Phi.

- Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển.

- Góp phần củng cố vai trò phong trào không liên kết.



- Cải thiện quan hệ với các nước Tây Âu, Bắc Âu và cộng đồng kinh tế Châu Âu, Nhật Bản, Canada, Ôxtrâyliya, Niu Dilân và các nước NIC. Đặc biệt ngày 28-7-1995 Hiệp định khung Việt Nam-EU được ký kết.

- Khôi phục quan hệ bình thường với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

- Đạt một số tiến bộ trong quá trình đấu tranh đòi Mỹ bỏ cấm vận và thực hiện bình thường hoá quan hệ Việt - Mỹ sau 10 cuộc gặp gỡ giữa đại diện hai bên (từ 6-8-1990 đến 23-12-1991). Chính phủ Hoa Kỳ tuyên bố bãi bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam (2-1994). Ngày 11-7-1995 quan hệ Việt-Mỹ được bình thường hoá.

Những kết quả trên đây tuy còn khiêm tốn nhưng là những bước đi đầu tiên trong quá trình đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, góp phần rất quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, ổn định từng bước tình hình kinh tế - xã hội trong những năm cuối của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thế đứng mới của cách mạng Việt Nam được xác lập, thoát khỏi tình trạng hai phe của thời kỳ chiến tranh lạnh, thúc đẩy xu thế đối thoại và hợp tác.

2.3. Tháng 6/1996 Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã phân tích những đặc điểm và xu thế chủ yếu của tình hình thế giới, khẳng định lại những nguyên tắc, quan điểm cơ bản chỉ đạo quan hệ đối ngoại của Nhà nước ta.

Đại hội nêu lên 5 đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới là:

- Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, khiến cho chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng tính chất thời đại vẫn không thay đổi.

- Nguy cơ chiến tranh hủy diệt bị đẩy lùi, nhưng xung đột vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

- Cách mạng khoa học và công nghệ phát triển với trình độ cao, thúc đẩy quá trình quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội.

- Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu cần có sự hợp tác đa phương.

- Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã và đang phát triển với tốc độ cao, nhưng cũng tiềm ẩn một số nhân tố mất ổn định.

Đại hội nêu lên những xu thế chủ yếu của tình hình thế giới là :

- Hoà bình, ổn định và hợp tác để phát triển.

- Các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác. Hợp tác ngày càng tăng, nhưng cạnh tranh cũng gay gắt.

- Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường, đấu tranh chống sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, bảo vệ độc lập chủ quyền và nền văn hoá dân tộc.

- Các nước xã hội chủ nghĩa, các Đảng Cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ kiên trì đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Các nước có chế độ chính trị khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh, xu thế cùng tồn tại hoà bình.

Từ việc phân tích các đặc điểm và xu thế tình hình thế giới như trên, Đại hội VIII của Đảng nhận định: Các đặc điểm và xu thế ấy, tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế và trong chính sách của các nước đưa đến những thuận lợi lớn, song cũng làm xuất hiện những thử thách lớn.

Xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng Việt Nam và đặc điểm tình hình quốc tế, Đại hội lần thứ VIII của Đảng chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại. Đại hội khẳng định những nguyên tắc, quan điểm cơ bản chỉ đạo quan hệ đối ngoại như sau:

- Tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại, với tinh thần Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển.

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, giải quyết các vấn đề tồn tại và các tranh chấp bằng thương lượng.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh tranh thủ được từ bên ngoài, tạo nên và phát huy sức mạnh tổng hợp trên mặt trận đối ngoại. Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

Đại hội xác định "nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới là củng cố môi trường hoà bình và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội" [5; tr.41].

Những nhiệm vụ cụ thể của hoạt động ngoại giao được Đại hội xác định:

- Mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt song phương và đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình thông qua thương lượng tìm những giải pháp phù hợp giải quyết các vấn đề tranh chấp, đảm bảo hoà bình, ổn định an ninh hợp tác và phát triển.

- Tăng cường quan hệ với các nước láng giềng trong tổ chức ASEAN; không ngừng củng cố quan hệ với các nước bạn bè truyền thống, coi trọng quan hệ với các nước phát triển, các trung tâm kinh tế và chính trị trên thế giới, luôn luôn nêu c

kinh thần đoàn kết anh em với các nước đang phát triển, với phong trào không liên kết.

- Tăng cường quan hệ với các tổ chức của Liên Hiệp Quốc và các tổ chức quốc tế khác; tích cực hoạt động ở các diễn đàn quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ủng hộ cuộc đấu tranh loại trừ vũ khí hạt nhân và các phương tiện giết người hàng loạt khác.

- Phát triển quan hệ với các Đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ; thiết lập và mở rộng quan hệ với các Đảng cầm quyền và các Đảng khác.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển.

Những năm cuối của thế kỷ XX ngoại giao Việt Nam tiếp tục đạt được những thành tựu mới, "hòa giải được những tác động kinh tế của sự tan vỡ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu" [2; tr.259]. Quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới ngày càng được củng cố và tăng cường nhằm hướng đến hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Việc tăng cường các cuộc tiếp xúc, ký kết Hiệp định về biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc; Hiệp định về thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ... là những biểu hiện cụ thể của xu hướng đó.

3. Từ Đại hội lần thứ VI đến Đại hội lần thứ VIII, đường lối đối ngoại của Đảng có sự vận động, phát triển nhằm phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, phục vụ mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh; mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững sự ổn định về chính trị và phát triển về kinh tế.

Đảng đã thường xuyên phân tích tình hình thế giới, đánh giá đúng đặc điểm, tính chất và xu thế thời đại, đặc biệt là những biến động lớn và sâu sắc trên trường quốc tế, đề ra đường lối, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ; vừa đảm bảo lợi ích dân tộc, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho sự phát triển của đất nước, vừa tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì những mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Chính sách đối ngoại độc lập tự chủ và đoàn kết quốc tế của Đảng đã góp phần rất quan trọng mở rộng quan hệ quốc tế trên các mặt Đảng, Nhà nước và nhân dân, bước đầu đưa đất nước hoà nhập vào xu thế chung của thời đại bằng những quan hệ đa phương, đa dạng, tham gia vào việc giải quyết những vấn đề toàn cầu, tranh thủ sức mạnh từ bên ngoài, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá thế bị bao vây cô lập, tiến vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và từng bước nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo cáo chính trị của ban chấp hành Trung ương tại Đại hội lần thứ VI. *Tạp chí Cộng sản* số (1), 1987.
- [2] *Furuta Motoo Việt Nam trong lịch sử thế giới*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [3] *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1987.
- [4] *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1991.
- [5] *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1996.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., t.XVII, N<sup>o</sup>1, 2001

THE INNOVATION PROCESS OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY'S  
FOREIGN POLICIES (1986 - 2000)

**Vu Quang Hien**

*Faculty of History*

*College of Social Sciences and Humanities - VNU*

Based on the right political policy, the traditional diplomacy of our nation and the world situation, Vietnamese Communist Party independently proposed the widen, multilateral and diversification foreign policy. That policy has brought our country to the integration into the common development tendency of the time, made a contribution to solving the global problems, and made use of the strength from outside. That policy also helped our country over come the socio - economic crisis, abolished the embargo and surrounded situation and prepared the necessary conditions for us to carry out the industrialization and modernization. Due to that right policy, the position of our country has been improved in the world.